

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/4/2022

V/v ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.
2. Ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991; cư trú tại: Đội X, thôn B, xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tài C, sinh năm 1987; cư trú tại: Đội X, thôn Y, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tài C (sau đây viết tắt là anh C) tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, ngày 28/5/2013 của UBND xã BT, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình chung sống, giữa chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần xảy ra cãi vã, xung đột, anh C có hành động đe dọa, đánh đập chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài nhưng không khắc phục, hàn gắn được, hiện chị và các con đã về nhà cha mẹ để sinh sống. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về con chung: Giữa chị và anh C có hai con chung, gồm các cháu Nguyễn Tài Minh Q, sinh ngày 19/12/2014 và Nguyễn Tài Minh K, sinh ngày 20/01/2020, hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Tài C không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa chị T và anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; việc yêu cầu nuôi con chung của chị T là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung chưa thành niên. Căn cứ

vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T; về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là chị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Căn cứ vào Điều 91 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 28/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của chị T, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị T và anh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị T cho rằng giữa chị và anh C xảy ra cãi vã, xung đột, anh C có hành vi hành hung, xúc phạm chị, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh chị không cải thiện được mâu thuẫn, hiện không còn sống chung và cũng không thể đoàn tụ được.

Anh C không có ý kiến trình bày hay phản đối các tình tiết, sự kiện mà chị T đã nêu về nguyên nhân và quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà chị T đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, anh C có đến Tòa án và đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không trình bày ý kiến cũng như không tham gia hòa giải thể hiện anh

không quan tâm, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị T và anh C có hai con chung là các cháu Nguyễn Tài Minh Q, sinh ngày 19/12/2014 và Nguyễn Tài Minh K, sinh ngày 20/01/2020. Xét thấy, chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, cháu Q có nguyện vọng được ở với chị Tú, cháu K đang dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu Q, K và căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Q, K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và chị Tú có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề cấp dưỡng trong vụ án này.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền chị Tú đã nộp tạm ứng án phí.

[7] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn anh Nguyễn Tài C.

2. Giao cháu Nguyễn Tài Minh Q, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014 và cháu Nguyễn Tài Minh K, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Tài C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để chị Nguyễn Thị Cẩm T thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu số tiền chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000420, ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Thìn

Phạm Thị Lan

Nguyễn Văn Đô

